

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản, gạo, thực phẩm và vật tư trong ngành công nghiệp thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam .

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Ngọc Hạnh	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhựt	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nghĩa	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyễn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Thị Nhựt	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc	
Ông Trần Đình Bé	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Nhựt

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60876373/18741238-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6, số thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") phải nộp bổ sung cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Thông báo số 119/TB-KTNN ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước, và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 9 tháng năm 2015 theo Kết luận Thanh tra số 18234/BTC-Ttr ngày 8 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính với tổng số tiền 133.496.440.103 VND. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cũng đã ước tính số thuế TTĐB phải nộp bổ sung cho 3 tháng cuối năm 2015 và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạm nộp số thuế nêu trên lần lượt là 12.858.223.357 VND và 4.372.817.792 VND. Công ty đã nộp 146.354.663.460 VND tiền thuế TTĐB bổ sung vào Ngân sách Nhà Nước. Tuy nhiên, theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung và các khoản chi phí liên quan sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty, hoàn trả lại. Do đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung và các khoản chi phí liên quan như một khoản phải thu từ công ty mẹ với tổng số tiền lần lượt là 146.614.239.871 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 150.727.481.252 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này từ công ty mẹ. Nếu Công ty ghi nhận toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung và các khoản chi phí liên quan thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phải thu ngắn hạn khác sẽ cùng giảm một số tiền lần lượt là 146.614.239.871 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 150.727.481.252 VND ngày 30 tháng 06 năm 2016. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 51.592.709.332 VND và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm 4.113.241.381 VND.



Building a better
working world

Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2016. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ vào ngày 14 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		229.330.203.825	285.573.945.354
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.139.708.135	24.304.775.471
111	1. Tiền		1.947.960.376	24.117.196.520
112	2. Các khoản tương đương tiền		191.747.759	187.578.951
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		174.125.066.457	202.311.922.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.988.980.980	51.848.031.861
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	19.986.013.931	3.652.209.691
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	151.150.071.546	146.811.681.207
140	III. Hàng tồn kho	7	48.110.156.699	57.713.431.208
141	1. Hàng tồn kho		48.110.156.699	57.713.431.208
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.955.272.534	1.243.815.916
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.847.831.742	1.243.815.916
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		107.440.792	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		847.330.509.841	886.811.717.755
210	I. Phải thu dài hạn khác		372.022.000	414.522.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		372.022.000	414.522.000
220	II. Tài sản cố định		834.834.652.007	864.084.631.649
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	834.834.652.007	864.084.631.649
222	Nguyên giá		1.261.531.188.909	1.250.086.403.565
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(426.696.536.902)	(386.001.771.916)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.424.915.545	4.377.029.728
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.424.915.545	4.377.029.728
260	IV. Tài sản dài hạn khác		8.698.920.289	17.935.534.378
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.308.750.280	6.840.830.832
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		4.390.170.009	11.094.703.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.076.660.713.666	1.172.385.663.109


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		556.992.423.317	626.492.730.134
310	I. Nợ ngắn hạn		438.934.653.610	479.159.620.882
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	33.030.899.559	68.328.527.797
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		22.395.393	30.457.910
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	72.839.648.154	63.238.104.136
314	4. Phải trả người lao động		5.184.438.264	5.286.605.850
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	15.572.866.644	13.025.731.017
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	54.340.784.363	18.003.739.330
320	7. Vay ngắn hạn	15	251.550.197.772	302.380.823.198
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.393.423.461	8.865.631.644
330	II. Nợ dài hạn		118.057.769.707	147.333.109.252
338	1. Vay dài hạn	15	118.057.769.707	147.333.109.252
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		519.668.290.349	545.892.932.975
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	519.668.290.349	545.892.932.975
411	1. Vốn cổ phần		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.570.250.272	20.570.250.272
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		49.098.040.077	75.322.682.703
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		21.322.682.703	8.121.001.086
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		27.775.357.374	67.201.681.617
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.076.660.713.666	1.172.385.663.109


Nguyễn Thị Hồng Minh
Người lập


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

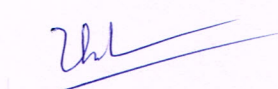



Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	446.366.819.306	336.813.275.201
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(79.157.657)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	446.287.661.649	336.813.275.201
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(398.992.460.017)	(286.686.364.813)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		47.295.201.632	50.126.910.388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	167.769.819	73.933.018
22	7. Chi phí tài chính	19	(8.785.115.778)	(15.967.339.667)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.785.115.778	12.808.215.528
25	8. Chi phí bán hàng	20	(1.472.811.278)	(1.075.463.454)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(7.782.801.742)	(4.863.769.101)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.422.242.653	28.294.271.184
31	11. Thu nhập khác	22	980.683.921	1.053.304.906
32	12. Chi phí khác	22	(338.323.411)	(448.064.591)
40	13. Lợi nhuận khác	22	642.360.510	605.240.315
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.064.603.163	28.899.511.499
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(2.289.245.789)	(3.178.946.264)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		27.775.357.374	25.720.565.235
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.5	617	526
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.5	617	526


Nguyễn Thị Hồng Minh
Người lập


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		30.064.603.163	28.899.511.499
	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	40.694.764.986	40.012.965.920
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(167.769.819)	(73.933.018)
06	Chi phí lãi vay	19	8.785.115.778	12.808.215.528
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		79.376.714.108	81.646.759.929
09	Giảm các khoản phải thu		50.261.293.891	13.029.835.239
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		16.307.808.046	(3.048.930.705)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(37.099.626.757)	9.144.573.861
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.071.935.274)	5.423.848.620
14	Tiền lãi vay đã trả		(13.403.916.454)	(13.482.182.774)
15	Thuế TNDN đã nộp	23	(758.000.000)	(827.166.910)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		52.160.000	51.200.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.524.368.183)	(1.728.687.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.140.129.377	90.209.249.554
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(28.492.671.161)	(6.400.704.292)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		167.769.819	73.933.018
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(28.324.901.342)	(6.326.771.274)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	601.720.460.280	275.194.209.484
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(681.826.425.251)	(350.821.560.745)
36	Cổ tức đã trả	16.3	(4.874.330.400)	(11.248.670.560)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(84.980.295.371)	(86.876.021.821)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(22.165.067.336)	(2.993.543.541)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24.304.775.471	47.846.704.445
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.139.708.135	44.853.160.904


 Nguyễn Thị Hồng Minh
 Người lập


 Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng


 Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nông sản, bán buôn gạo và thực phẩm, cồn, vật tư trong ngành nông nghiệp và cung cấp dịch vụ sản xuất công nghiệp thực phẩm và kinh doanh kho bãi.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 162 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 160 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Khác	2 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.11 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 *Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng	1.329.775.972	23.645.082.438
Tiền mặt	618.184.404	472.114.082
Các khoản tương đương tiền (*)	191.747.759	187.578.951
TỔNG CỘNG	2.139.708.135	24.304.775.471

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4%/ năm đến 4.4%/ năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ bên khác	2.383.716.980	1.756.934.981
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	605.264.000	50.091.096.880
TỔNG CỘNG	2.988.980.980	51.848.031.861

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh số 15).

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho bên khác	19.279.213.931	3.652.209.691
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh		
Bách Khoa	18.000.000.000	-
Khác	1.279.213.931	3.652.209.691
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	706.800.000	-
TỔNG CỘNG	19.986.013.931	3.652.209.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>) (*)	150.727.481.252	146.614.239.871
Tạm ứng	386.015.494	193.661.752
Khác	36.574.800	3.779.584
TỔNG CỘNG	<u>151.150.071.546</u>	<u>146.811.681.207</u>

(*) Chi tiết khoản phải thu này như sau:

<i>Chi tiết</i>	<i>Số tiền</i>
Thuế tiêu thụ đặc biệt (“TTĐB”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 28 tháng 1 năm 2015 và Thông báo số 71/KV IV-TH ngày 5 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV và Thông báo số 119/TB-KTNN vào ngày 4 tháng 2 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước	41.153.603.292
Thuế TTĐB cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo biên bản số 18234/TT-BTC-TTR của Thanh tra tài chính - Bộ Tài Chính ngày 8 tháng 12 năm 2015	92.342.836.811
Thuế TTĐB ước tính của Ban Giám đốc cho 3 tháng cuối năm 2015	12.858.223.357
Số đã tạm nộp	<u>146.354.663.460</u>
Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay phục vụ việc tạm nộp thuế TTĐB bổ sung nói trên	4.372.817.792
TỔNG CỘNG	<u>150.727.481.252</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty đã tạm nộp khoản thuế TTĐB bổ sung với số tiền là 146.354.663.460 VND, tuy nhiên theo quan điểm của Ban Giám đốc, toàn bộ số thuế TTĐB phải nộp bổ sung và chi phí phát sinh được nêu ở trên sẽ được Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty hoàn trả. Do đó, công ty không ghi nhận các khoản thuế TTĐB bổ sung và các chi phí phát sinh như một khoản chi phí trong báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 mà ghi nhận như một khoản phải thu khác từ công ty mẹ. Tại ngày báo cáo tài chính giữa niên độ này, chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề trên từ công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.289.345.592	19.539.104.796
Thành phẩm	14.078.001.414	12.146.807.583
Nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế	10.546.317.240	25.919.399.829
Công cụ dụng cụ	2.992.503.884	108.119.000
Khác	203.988.569	-
TỔNG CỘNG	<u>48.110.156.699</u>	<u>57.713.431.208</u>

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 15*).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn	4.847.831.742	1.243.815.916
Phí sửa chữa	1.723.405.712	-
Công cụ, dụng cụ	1.602.703.423	356.084.166
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	467.651.669	594.916.667
Bảo hiểm nhà máy	417.808.644	157.815.083
Khác	636.262.294	135.000.000
Dài hạn	4.308.750.280	6.840.830.832
Chi phí bao bì, vỏ chai, két bia	3.957.236.939	6.287.326.885
Công cụ, dụng cụ	351.513.341	553.503.947
TỔNG CỘNG	<u>9.156.582.022</u>	<u>8.084.646.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	232.069.745.438	1.010.760.973.787	6.721.783.292	249.000.995	284.900.053	1.250.086.403.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	35.674.554	-	-	357.041.571	-	392.716.125
Mua mới trong kỳ	11.052.069.219	-	-	-	-	11.052.069.219
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	243.157.489.211	1.010.760.973.787	6.721.783.292	606.042.566	284.900.053	1.261.531.188.909
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	-	695.109.173	203.400.995	284.900.053	1.183.410.221
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	45.865.208.330	335.314.873.133	4.321.281.257	224.934.332	275.474.864	386.001.771.916
Khấu hao trong kỳ	5.859.217.524	34.234.712.331	502.870.259	88.539.683	9.425.189	40.694.764.986
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	369.549.585.464	369.549.585.464	4.824.151.516	313.474.015	284.900.053	426.696.536.902
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	186.204.537.108	675.446.100.654	2.400.502.035	24.066.663	9.425.189	864.084.631.649
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	191.433.063.357	641.211.388.323	1.897.631.776	292.568.551	-	834.834.652.007
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố thế chấp (Thuyết minh số 15)	59.571.369.980	333.527.145.617	-	-	-	393.098.515.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm khối nhà văn phòng và cơ sở hạ tầng phục vụ nhà máy.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho bên khác	8.836.311.037	10.467.453.458
Trong đó:		
Công ty TNHH Thịnh Đức	1.655.024.000	611.793.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	1.566.659.493	2.652.319.676
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.234.577.289	2.788.005.158
Công ty TNHH Kim Bảo An	773.430.069	1.485.557.492
Khác	3.606.620.186	2.929.778.132
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	24.194.588.522	57.861.074.339
TỔNG CỘNG	<u>33.030.899.559</u>	<u>68.328.527.797</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Phải nộp				
Thuế TTĐB	55.114.251.124	378.524.050.783	(370.538.234.869)	63.100.067.038
Thuế GTGT	7.946.777.100	82.924.131.698	(82.819.184.581)	8.051.724.217
Thuế TNDN (Thuyết minh số 23)	-	2.289.245.789	(758.000.000)	1.531.245.789
Thuế TNCN	177.075.912	605.522.407	(625.987.209)	156.611.110
TỔNG CỘNG	<u>63.238.104.136</u>	<u>464.342.950.677</u>	<u>(454.741.406.659)</u>	<u>72.839.648.154</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.377.551.633	2.155.135.168
Chi phí lãi vay	9.006.208.757	9.532.166.909
Chi phí xây dựng	3.625.952.616	592.063.636
Chi phí vận chuyển	847.322.901	460.306.045
Khác	715.830.737	286.059.259
TỔNG CỘNG	<u>15.572.866.644</u>	<u>13.025.731.017</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	52.508.059.600	3.355.276.920
Quỹ công tác xã hội	1.412.761.484	1.511.236.126
Ký quỹ	283.380.000	204.140.000
Thuế TTĐB (*)	-	12.858.223.357
Khác	136.583.279	74.862.927
TỔNG CỘNG	<u>54.340.784.363</u>	<u>18.003.739.330</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	<i>1.832.724.763</i>	<i>14.648.462.410</i>
<i>Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>52.508.059.600</i>	<i>3.355.276.920</i>

(*) Đây là khoản thuế TTĐB ước tính cho 3 tháng cuối năm 2015. Theo quan điểm của Ban Giám đốc, chi phí này sẽ được hoàn trả bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ của Công ty. Do đó, Công ty ghi nhận một khoản phải trả tương ứng với khoản phải thu (Thuyết minh số 6).

15. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)	251.550.197.772	302.380.823.198
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	218.177.601.414	137.161.823.198
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	33.372.596.358	165.219.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 15.2)	118.057.769.707	147.333.109.252
Vay dài hạn từ ngân hàng	118.057.769.707	147.333.109.252
TỔNG CỘNG	<u>369.607.967.479</u>	<u>449.713.932.450</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	302.380.823.198	147.333.109.252
Tiền thu từ đi vay	490.224.020.177	111.496.440.103
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	33.372.596.358	(33.372.596.358)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(574.427.241.961)	(107.399.183.290)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>251.550.197.772</u>	<u>118.057.769.707</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động và nộp tiền thuế TTDB.

Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Quảng Ngãi

Hợp đồng tín dụng số 36269.16.651.1435932.TD	49.759.828.116	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 9 năm 2016	5,2	Hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng
Hợp đồng tín dụng số.546.15.651.1435932.TD	23.326.596.966	Ngày 20 tháng 7 năm 2016	5,2	Hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi

Hợp đồng tín dụng số.029.HDĐT.401.16	20.000.000.000	20 tháng 7 năm 2016	5	Tín chấp
Hợp đồng tín dụng số 036/HDDTD2-VIB40/15	33.372.596.358	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2016 đến ngày 20 tháng 6 năm 2017	6,5	Tài sản hình thành từ khoản vay

Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi

Hợp đồng tín dụng số 0001711/2016-HĐTĐHM/NHCT520-SABECO	112.232.952.975	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2016 đến ngày 20 tháng 10 năm 2016	5,2	Hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng
Hợp đồng tín dụng số 0001151/2015-HĐTĐHM/NHCT520-SABECO	12.858.223.357	Ngày 20 tháng 7 năm 2016	5,2	Tín chấp

TỔNG CỘNG

251.550.197.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	151.430.366.065	20 tháng 6 năm 2020	6,5	Nhà xưởng, máy móc và thiết bị
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	33.372.596.358			

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quyỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND			
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	450.000.000.000	12.280.250.272	48.621.001.086	510.901.251.358
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	25.720.565.235	25.720.565.235
Phân phối lợi nhuận	-	-	(40.500.000.000)	(40.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	450.000.000.000	12.280.250.272	33.841.566.321	496.121.816.593
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	450.000.000.000	20.570.250.272	75.322.682.703	545.892.932.975
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	27.775.357.374	27.775.357.374
Cổ tức công bố	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	450.000.000.000	20.570.250.272	49.098.040.077	519.668.290.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	29.950.000.000	66,56%	29.950.000.000	66,56%
Các cổ đông khác	15.050.000.000	33,44%	15.050.000.000	33,44%
TỔNG CỘNG	45.000.000.000	100%	45.000.000.000	100%

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</u>
	VND	VND
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	54.000.000.000	40.500.000.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	(4.874.330.400)	(11.248.670.560)

16.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>
Cổ phiếu được phép phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp, sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi, phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	27.775.357.374	25.720.565.235
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.043.494.160)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	27.775.357.374	23.677.071.075
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	45.000.000	45.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	617	526
- Lãi suy giảm	617	526

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	446.366.819.306	336.813.275.201
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bia</i>	442.739.982.086	333.882.689.526
<i>Doanh thu khác</i>	3.626.837.220	2.930.585.675
Các khoản giảm trừ doanh thu	(79.157.657)	-
Chiết khấu thương mại	(79.157.657)	-
TỔNG CỘNG	446.287.661.649	336.813.275.201
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán bia	442.660.824.429	333.882.689.526
Doanh thu khác	3.626.837.220	2.930.585.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Lãi tiền gửi	<u>167.769.819</u>	<u>73.933.018</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Giá vốn bán bia	395.365.622.797	283.755.779.138
Giá vốn khác	<u>3.626.837.220</u>	<u>2.930.585.675</u>
TỔNG CỘNG	<u>398.992.460.017</u>	<u>286.686.364.813</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí lãi vay	8.785.115.778	12.808.215.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>-</u>	<u>3.159.124.139</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.785.115.778</u>	<u>15.967.339.667</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
		VND
Chi phí quảng cáo	762.862.214	523.350.969
Chi phí nhân công	200.372.000	348.081.109
Chi phí vận chuyển	159.093.722	121.815.719
Chi phí vật liệu bán hàng	56.581.136	57.177.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.098.486	13.098.486
Chi phí khác	<u>280.803.720</u>	<u>11.940.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.472.811.278</u>	<u>1.075.463.454</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.712.892.276	2.062.702.976
Chi phí nhân công	3.283.553.298	2.146.807.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	563.659.887	597.675.655
Chi phí vật liệu quản lý	144.203.819	29.524.025
Chi phí khác	78.492.462	27.059.257
TỔNG CỘNG	<u>7.782.801.742</u>	<u>4.863.769.101</u>

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	980.683.921	1.053.304.906
Thu nhập từ bán phế liệu	503.264.289	354.738.087
Khác	477.419.632	698.566.819
Chi phí khác	<u>338.323.411</u>	<u>448.064.591</u>
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>642.360.510</u>	<u>605.240.315</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho mười hai (12) năm đầu tiên. Công ty được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (là năm 2013), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng cho Công ty trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.064.603.163	28.899.511.499
<i>Điều chỉnh</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	458.674.027	1.865.905.166
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	30.523.277.190	30.765.416.665
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	4.578.491.579	6.768.391.666
Thuế TNDN được giảm trừ	2.289.245.790	3.589.445.402
Thuế TNDN phải trả ước tính sau khi giảm trừ	2.289.245.789	3.178.946.264
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(758.000.000)	(827.166.910)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	1.531.245.789	2.351.779.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Mua nguyên vật liệu	441.194.683.534 254.186.006.276	- 174.944.619.024
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Chia cổ tức	-	1.050.000.300
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phí đổi vỏ chai Mua nguyên vật liệu Bán hàng hóa	706.800.000 - -	122.260.052 4.127.221.440 332.042.314.389
Công ty TNHH Một thành viên thương mại Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	395.715.000	41.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	34.200.000	-
Công Ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	Bên liên quan	Bán vỏ chai	110.759.400	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong kỳ như sau:				VND
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí lương và thù lao			<u>1.462.712.000</u>	<u>1.375.711.200</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
VND				
Phải thu ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	605.264.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	50.091.096.880
TỔNG CỘNG			605.264.000	50.091.096.880
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế TTDB và lãi vay	150.727.481.252	146.614.239.871
Phải trả ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	24.130.650.968	57.797.989.285
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	63.937.554	63.085.054
TỔNG CỘNG			24.194.588.522	57.861.074.339
Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phí sử dụng vỏ chai	706.800.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Phí sử dụng vỏ chai	1.377.551.633	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	2.155.135.168
TỔNG CỘNG			1.377.551.633	2.155.135.168
Phải trả ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	35.940.000.000	-
Các cổ đông khác	Bên liên quan	Cổ tức phải trả	16.568.059.600	3.355.276.920
TỔNG CỘNG			52.508.059.600	3.355.276.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

25. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	939.524.584	939.524.584
Trên 1 – 5 năm	3.758.098.335	3.758.098.335
Trên 5 năm	<u>25.526.360.982</u>	<u>26.001.342.855</u>
TỔNG CỘNG	<u>30.223.983.901</u>	<u>30.698.965.774</u>

Các cam kết góp vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá VND 44.819.001.818 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.078.975.000) liên quan đến việc chi tiêu tạo lập tài sản cố định.

26. NỢ TIỀM TÀNG

Theo hợp đồng thuê đất không hủy ngang giữa Công ty với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tỉnh Quảng Ngãi, thuộc Lô C1-1 trong Khu Công nghiệp Quảng Phú, Tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi với thời hạn thuê là 40 năm từ ngày 15 tháng 03 năm 2008, sau khi hết thời hạn thuê, Công ty phải trả lại đất và hạ tầng kỹ thuật cho Khu Công Nghiệp. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng sau khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc không thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng do thời gian thuê kéo dài và có nhiều giả định không chắc chắn trong tương lai nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính.


27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giá trị ước tính hàng hóa nhận giữ hộ	<u>1.198.652.584</u>	<u>6.518.514.569</u>

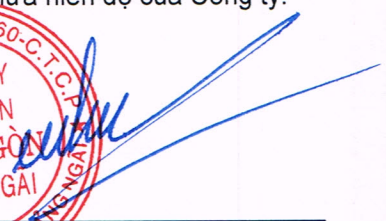
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.


Nguyễn Thị Hồng Minh
Người lập


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng


Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2016

